



BÀI 7

LỚP TÔI

Lớp học tôi tuy bé nhưng rất sạch sẽ. Học sinh trong lớp ở tuổi 12, 13, nhưng có anh thật cao lớn, béo phệ, có chị gầy, ốm tong, ốm teo. Đó là một vài **dị biệt**, còn hầu hết bạn trong lớp của tôi có vóc dáng đều đặn, **lý tưởng**, rất đẹp trai và rất xinh gái.

Thầy giáo tôi đã già, tóc bạc phơ, mang kiếng cận thật dày, nhưng thầy vẫn rất mạnh khoẻ. Thầy giảng bài rõ ràng, giọng thầy to, ấm.

Thầy thường đi lại trong lớp **khoan thai**, điềm đạm. Thầy kiểm soát bài tập rất cẩn thận.

Ngọc-Lan

Từ và nghĩa:

Dị biệt:	Khác nhau. (Dị: Khác. Biệt: Riêng rẽ.)
Lý tưởng:	Điều suy nghĩ nhận ra cái lẽ cao cả của sự việc và con người.
Khoan thai:	Thong thả, chậm rãi, không vội vã.

Ngữ pháp:

Bổ từ; Bổ ngữ (41). Bổ ngữ cho động từ.
Bổ ngữ cho tính từ. Bổ ngữ cho bổ ngữ khác.

Yêu cầu : Phân biệt rõ ràng giữa **Tính Từ** và **Bổ Từ**

Ca dao: *Một chờ, hai đợi, ba trông,
Bốn thương, năm nhớ, bảy tám mong, mười tìm.*

II. THỰC TẬP DÙNG BỔ TỪ, BỔ NGỮ.

A. Câu mẫu:

(In đậm nghiêng = Bổ từ, bổ ngữ)

Thầy đi lại ***khoan thai***.

Thầy giảng bài ***rõ ràng***.

Thầy giáo của tôi đã già, tóc bạc ***phơ***.

Học sinh lớp tôi ***rất*** ngoan.



Cậu ấy lái máy bay ***rất chậm***.

B. Thực tập (Đặt câu có các bổ từ, bổ ngữ)

Lừ loát _____

Chậm rãi _____

Li bì _____

Cẩn thận _____

III. BÀI ĐỌC



1. Cô làm ơn đọc *thật to, thật rõ ràng* cho chúng em.
2. Cô *ráng* giúp chúng em hiểu *kỹ* về bổ từ, bổ ngữ.
3. Bổ từ là từ giúp làm rõ nghĩa cho động từ. (Đi *nhanh*)
4. Bổ từ là từ giúp làm rõ nghĩa cho tính từ. (Đẹp *quá!*)
5. Bổ từ là từ giúp làm rõ nghĩa cho bổ từ khác (*rất* nhanh)
6. Thế còn tính từ là sao hả cô?
7. Tính từ là từ làm rõ nghĩa cho danh từ. (bảng *đen*)
8. Các em nhớ kỹ: Tính từ chỉ làm rõ nghĩa cho:

DANH TỪ hoặc *Đại Danh Từ:*

(chó *MỤC*, ngựa *BẠCH*, cô ta *ĐẸP*)

9. Bổ từ thì chỉ làm rõ nghĩa cho:

ĐÔNG TỪ, TÍNH TỪ hoặc *BỔ NGỮ KHÁC.*

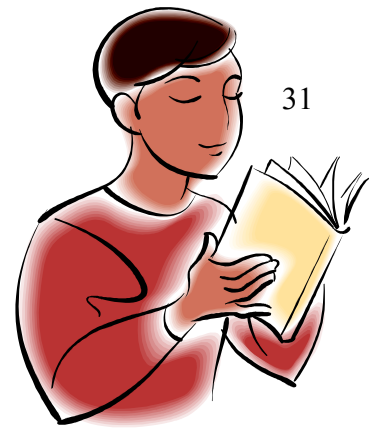
(Đi *NHANH. ĐẸP QUÁ!* ĐI *RẤT NHANH*)

10. Nghĩa là bổ từ không bao giờ làm rõ nghĩa cho:

DANH TỪ, vì Danh Từ đã có *TÍNH TỪ*.

11. Rắc rối quá cô nhỉ.
12. Cứ từ từ, thực tập dần rồi các em sẽ quen đi.
13. Mỗi loại từ có chức năng riêng của nó.
14. Chúng ta phải sử dụng chúng cho đúng.
15. Cô hy vọng, dần dần các em sẽ hiểu.





IV. BÀI TẬP

I. Hãy viết ra những bổ ngữ trong bài 7

Hãy viết ra những tính từ trong bài 7

II. Hiểu bài.

a. Bài 7 tả cái gì?



b. Bạn của em trong lớp có gì đặc biệt?

III. Đặt câu với các bổ ngữ

1. Nhanh _____

2. Vội vã _____

3. Cẩn thận _____

4. Khoan thai _____

5. Rất _____

